

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/DS-ST
Ngày: 08-11-2021
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Hồng Thúy Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Tấn Kiệt.
2. Bà Nguyễn Thị Nhã Trúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 3 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lý Thanh N**, sinh năm 1969; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 85, đường C, khu phố X, phường Y, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Khu phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phan Thị K**, sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 11, hẻm 01, đường N, khu phố G, phường B, thành phố N, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền ngày 23/3/2021) (có mặt).

2. Bị đơn:

- Anh Lý Phúc A, sinh năm 1974; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 85, đường C, khu phố X, phường Y, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện

nay: Số nhà 182, đường E, khu phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- Chị **Nguyễn Thị Thanh T**, sinh năm 1982; địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 85, đường C, khu phố X, phường Y, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Số nhà 260, đường C, khu phố A, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/3/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Lý Thanh N và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:***

Bà N là chị ruột của anh A. Ngày 20/9/2003, bà N cho vợ chồng anh A mượn 09 cây (lượng) vàng 24K để mua phần đất 170m² tọa lạc tại khu phố X, thị trấn Y, huyện H (nay là khu phố X, phường Y, thị xã H), tỉnh Tây Ninh của vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị S. Anh A có viết và ký tên vào “Giấy mượn vàng” đề ngày 20/9/2003 cho bà N, còn chị T không có ký tên. Khi mượn, anh A có thỏa thuận miệng với bà N thời gian mượn là 03 tháng. Đến hạn trả, anh A không có trả vàng mà chỉ đưa cho bà N số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) để chi tiêu và anh A hứa trả dần số vàng trên nhưng từ đó đến nay anh A, chị T không trả. Nay bà N khởi kiện yêu cầu anh A và chị T cùng có nghĩa vụ trả cho bà 09 lượng vàng 24K, trả trị giá bằng tiền tính theo giá vàng tại thời điểm nộp đơn khởi kiện là: 09 lượng vàng x 50.140.000 đồng/01 lượng = 451.260.000 đồng (bốn trăm năm mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng), không còn yêu cầu gì khác.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh Lý Phúc A trình bày:***

Anh A là em ruột của bà N. Anh A và chị T chung sống vợ chồng vào năm 2000, đến năm 2017 thì ly hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng, năm 2003 anh A và chị T có mua phần đất 170m² tọa lạc tại khu phố X, thị trấn Y, huyện H (nay là khu phố X, phường Y, thị xã H), tỉnh Tây Ninh của vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị S với giá là 300.000.000 đồng. Do không đủ tiền nên anh A có mượn của bà N 09 lượng vàng 24K (bán vàng được khoảng 60.000.000 đồng) để mua đất. Anh A có viết “Giấy mượn vàng” ngày 20/9/2003 cho bà N, có hứa trả trong hạn 03 tháng nhưng từ đó đến nay chưa trả. Nay bà N khởi kiện, anh A đồng ý trả cho bà N 09 lượng vàng 24K và đây là nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của anh và chị T nên anh A yêu cầu chị T phải cùng có trách nhiệm trả 09 lượng vàng 24K cho bà N.

**** Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:***

Chị T thống nhất với anh A về thời gian kết hôn, thời gian ly hôn giữa anh chị. Trong thời gian chung sống vợ chồng, năm 2003 chị T và anh A có mua phần đất 170m² của vợ chồng ông D, bà S với giá 300.000.000 đồng nhưng nguồn tiền mua đất là do chị tích lũy từ công việc buôn bán và tiền lĩnh hội, không có mượn tiền hay mượn vàng của bà N. Đến năm 2008, chị T và anh A bán phần đất 170m² và mua phần đất khác có diện tích 157,35m² tại địa chỉ số 85, đường C, khu phố X, phường Y, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Khi ly hôn (năm 2017), anh A tặng cho toàn bộ tài sản chung của vợ chồng cho chị T gồm có nhà đất tại số 85, đường C, khu phố X, phường Y, thị xã H, tỉnh Tây Ninh. Khoản nợ 09 lượng vàng 24K mà bà N và anh A khai thống nhất là nợ khổng để yêu cầu chị T trả tiền. Do đó, chị T không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của bà N hay yêu cầu của anh A.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành phát biểu ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thanh N, buộc anh Lý Phúc A có trách nhiệm trả cho bà N 09 lượng vàng 24K; xác định nghĩa vụ chịu án phí của đương sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà N yêu cầu anh A, chị T trả 09 lượng vàng 24K theo “Giấy mượn vàng” ngày 20/9/2003 nên tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Anh A đang cư trú tại nhà số 182, đường E, khu phố L, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; chị T đang cư trú tại nhà số 260, đường C, khu phố A, phường T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch vay tài sản giữa các đương sự được xác lập và thực hiện xong vào ngày 20/9/2003 nhưng đến ngày 22/3/2021, bà N

mới tranh chấp và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành nên căn cứ theo Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này luật nội dung áp dụng để giải quyết vụ án là theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005, riêng thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì thời hiệu để bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về hợp đồng vay tài sản trên là 03 năm kể từ ngày bà N biết quyền và lợi ích hợp pháp của bà bị xâm phạm, tức là ngày 20/12/2003 (ngày anh A hẹn trả nợ sau 03 tháng) nhưng đến ngày 22/3/2021, bà N mới khởi kiện là đã hết thời hiệu 03 năm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, anh A thừa nhận có vay của bà N 09 lượng vàng 24K và còn nợ bà N số vàng này nên theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trường hợp này thời hiệu khởi kiện vụ án được bắt đầu lại. Ngoài ra, kể từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm, các bên đương sự không có ai yêu cầu Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu nên căn cứ vào Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu trong vụ án này.

[5] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của bà N, thấy rằng:

[5.1] Chứng cứ do bà N cung cấp là bản chính “Giấy mượn vàng” đề ngày 20/9/2003 có nội dung anh A và chị T vay của bà N “09 (chín) cây vàng 24K” (tức là 09 lượng vàng 24K), có chữ ký của anh A, không có chữ ký của chị T. Anh A thừa nhận anh có vay của bà N 09 lượng vàng 24K và “Giấy mượn vàng” là do anh viết, ký tên. Như vậy, có cơ sở xác định bà N cho anh A vay 09 lượng vàng 24K là có thật.

[5.2] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bà N và anh A thống nhất khai anh A vay số vàng trên để nhận chuyển nhượng đất của ông D, bà S vào năm 2003 và hai bên thỏa thuận miệng thời hạn trả là 03 tháng. Chị T thừa nhận năm 2003, chị và anh A có nhận chuyển nhượng đất của vợ chồng ông D, bà S nhưng với nguồn tiền tích lũy, tiền lĩnh hụi, không có nguồn tiền từ việc anh A vay vàng của bà N và chị cho rằng đây là nợ không do bà N và anh A nài ra để yêu cầu chị trả nợ.

Qua lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng: Năm 2003, anh A và chị T có nhận chuyển nhượng đất của ông D, bà S. Đến năm 2008, anh A và chị T bán phần đất này và mua phần đất khác. Bà N thừa nhận bà biết việc anh A, chị T bán đất của ông D, bà S để mua đất khác nhưng từ năm 2003 đến năm 2021, bà N mới khởi kiện mặc dù thời hạn vay vàng chỉ có 03 tháng, mặc dù anh A, chị T đã bán đất của ông D, bà S vào năm 2008. Do đó, việc bà N, anh A thống nhất khai anh A vay vàng để mua đất là không đảm bảo tính khách quan trong khi chứng cứ “Giấy mượn vàng” chỉ có anh A ký tên. Mặt khác, khi ly hôn, anh A tặng cho hết tài sản của

vợ chồng cho chị T sở hữu, sử dụng nhưng anh không đề cập gì đến khoản nợ của bà N, không có sự thỏa thuận việc chị T nhận tài sản thì phải có trách nhiệm trả nợ cho bà N. Về phía chị T, chị không thừa nhận có vay vàng của bà N; phía bà N, anh A cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh việc chị T có vay 09 lượng vàng 24K. Do đó, việc bà N yêu cầu anh A và chị T cùng có nghĩa vụ trả 09 lượng vàng 24K là không có cơ sở chấp nhận, chỉ có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N đối với anh A và buộc anh A có nghĩa vụ trả số vàng trên cho bà N.

[5.3] Xét yêu cầu trả vàng trị giá bằng tiền của bà N, thấy rằng: Theo quy định tại khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì *“nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Chứng cứ “Giấy mượn vàng” đề ngày 20/9/2003 chỉ thể hiện bà N cho anh A vay vàng và nội dung không thể hiện có sự thỏa thuận trả vàng trị giá bằng tiền nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu trả tiền của bà N. Do đó, cần buộc anh A có nghĩa vụ trả cho bà N 09 lượng vàng 24K.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh A phải chịu toàn bộ án phí khi yêu cầu của bà N được chấp nhận.

Tại thời điểm xét xử (ngày 08/11/2021), giá vàng 24K (đăng tải trên trang web: <https://giavang.asia>) có giá là: 51.535.000 đồng/01 lượng nên 09 lượng vàng 24K tương đương số tiền là 463.815.000 đồng. Cho nên, anh A phải chịu án phí là: 20.000.000 đồng + (63.815.000 đồng x 4%) = 22.552.600 đồng, làm tròn là 22.553.000 đồng.

[7] Các đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thanh N.

Buộc anh Lý Phúc A có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thanh N 09 (chín) lượng vàng 24K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Lý Thanh N cho đến khi thi hành án xong, anh Lý Phúc A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý Phúc A phải chịu 22.553.000 đồng (hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Hoàn trả cho bà Lý Thanh N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.025.000 đồng (mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009752 ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Hòa Thành;
- Chi cục THADS thị xã Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Hồng Thúy Liễu